

**TỔNG CTY LƯƠNG THỰC MIỀN BẮC
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
MUỐI VIỆT NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 72/CTMVN-CBTT

Hà Nội, ngày 03 tháng 6 năm 2019

V/v: Công bố thông tin Công ty TNHH MTV
Muối Việt Nam năm 2018.



Kính gửi: - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Tổng công ty Lương thực miền Bắc.

Căn cứ Nghị định số 99/2012/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về phân công, phân cấp thực hiện các quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà nước đối với doanh nghiệp nhà nước và vốn Nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 81/2015/NĐ-CP ngày 18/9/2015 của Chính phủ về công bố thông tin của doanh nghiệp nhà nước;

Căn cứ về Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty TNHH MTV Muối Việt Nam;

Căn cứ Nghị định 87/2015/NĐ-CP ngày 06/10/2015 của Chính phủ về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp; giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước;

Công ty TNHH MTV Muối Việt Nam đã tổ chức chỉ đạo các phòng, ban chuyên môn nghiệp vụ xây dựng hồ sơ công bố thông tin năm 2018 của Công ty (*chi tiết kèm theo công văn*).

Công ty TNHH MTV Muối Việt Nam kính trình Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Tổng công ty Lương thực miền Bắc xem xét và tạo điều kiện để Công ty TNHH MTV muối Việt Nam được công bố thông tin, làm cơ sở triển khai thực hiện theo đúng quy định hiện hành.

Trân trọng kính trình./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT.

KT/ GIÁM ĐỐC

Phó giám đốc



Hoàng Khâm

PHỤ LỤC II

GIẤY ỦY QUYỀN THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN

CÔNG TY TNHH MTV
MUỐI VIỆT NAM
MSDN: 0105873523

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

Hà Nội, ngày 03 tháng 6 năm 2019

Kính gửi: - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Tổng công ty Lương thực miền Bắc.

Tên giao dịch của doanh nghiệp: **CÔNG TY TNHH MTV MUỐI VIỆT NAM**

Mã số doanh nghiệp: 0105873523

Địa chỉ liên lạc: Số 5-7 Hàng Gà, Phường Hàng Bồ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Website: WWW.Congtymuoivietnam.vn

Sau đây chứng nhận: Ông **HOÀNG KHÂM**

Điện thoại liên hệ : (04) 38257496 Email:

Chức vụ tại doanh nghiệp: Phó giám đốc.

Là người được ủy quyền thực hiện công bố thông tin của Công ty TNHH một thành viên Muối Việt Nam.

Người đại diện theo pháp luật
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



GIÁM ĐỐC
Vũ Trung Khiên

PHỤ LỤC III

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN 05 NĂM CỦA
DOANH NGHIỆP
(Ban hành kèm theo Nghị định số 81/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ)

Công ty TNHH 1TV Muối
Việt Nam
MST : 0105873523

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:, ngày tháng ... năm ...

(Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển 05 năm của doanh nghiệp được Cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt tại văn bản số 391/QĐ-TCTLTMB-HĐTV ngày 13 tháng 11 năm 2015)

I. TỔNG QUAN VỀ DOANH NGHIỆP

1. Những sự kiện quan trọng

- Việc thành lập: Theo quyết định số 101/QĐ-TCTLTMB-TCLĐ ngày 6/4/2012 của Tổng công ty lương thực miền Bắc về việc thành lập Công ty TNHH MTV Muối Việt Nam.
- Vốn điều lệ: 47.800.000.000 đồng (Bốn mươi bảy tỷ, tám trăm triệu đồng chẵn).
- Các sự kiện khác.

2. Quá trình phát triển

- Chức năng, nhiệm vụ của doanh nghiệp: Khai thác, sản xuất muối và các chế phẩm từ muối phục vụ cho nhu cầu dân sinh và cho công nghiệp. Kinh doanh các sản phẩm về lương thực, vận tải, nhà hàng khách sạn...
- Ngành, nghề kinh doanh chính. Khai thác, sản xuất muối và các chế phẩm từ muối phục vụ cho nhu cầu dân sinh và cho công nghiệp. Kinh doanh các sản phẩm về lương thực, vận tải, nhà hàng khách sạn...

3. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của doanh nghiệp: Tốc độ tăng trưởng bình quân trong năm 8,51% với tổng doanh thu đạt 184.000 triệu đồng vào năm 2020.
- Lợi nhuận trước thuế tăng trưởng bình quân 42%/năm đạt 4.000 triệu đồng vào năm 2020.

- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu hàng năm đạt bình quân là 1,30%.
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên vốn đầu tư của chủ sở hữu bình quân năm là 4,33%.

II. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP GIAI ĐOẠN 2016-2020

1. Mục tiêu tổng quát

- Mục tiêu kinh doanh: Phát triển Công ty TNHH MTV Muối Việt Nam là doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành doanh nghiệp mạnh trong ngành muối, có năng lực cạnh tranh trong nước và khu vực, đảm bảo hiệu quả SXKD, đầy đủ việc làm, và thu nhập ổn định cho người lao động. Cung cấp muối và các sản phẩm của muối theo nhu cầu thị trường, cung cấp muối iốt cho hộ nghèo theo quyết định 102/CP của Chính Phủ.

2. Mục tiêu cụ thể

- Các mục tiêu chủ yếu của doanh nghiệp: Tốc độ tăng trưởng bình quân trong năm 8,51% với tổng doanh thu đạt 184.000 triệu đồng vào năm 2020.
- Lợi nhuận trước thuế tăng trưởng bình quân 42%/năm đạt 4.000 triệu đồng vào năm 2020.
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu hàng năm đạt bình quân là 1,30%.
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên vốn đầu tư của chủ sở hữu bình quân năm là 4,33%.

3. Kế hoạch triển khai

- Tập trung đẩy mạnh khâu sản xuất, chế biến muối chất lượng cao, xem đây là mục tiêu sống còn và cốt lõi của đơn vị. Phát triển vùng nguyên liệu bền vững phục vụ sản xuất kinh doanh thương mại ở cả miền bắc và miền nam.
- Đầu tư, nghiên cứu nâng cao chất lượng sản phẩm, áp dụng công nghệ tiên tiến, các thành tựu khoa học - kỹ thuật để hạ giá thành sản phẩm mức thấp nhất, và gia tăng thị phần muối chất lượng cao ngày càng cạnh tranh khốc liệt trên thị trường.

4. Các giải pháp thực hiện về thị trường.

4.1 Giải pháp chiến lược: Triển khai thực hiện cổ phần hóa công ty nhằm thu hút vốn đầu tư của xã hội, chuyển đổi và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Trước mắt Công ty chưa tiến hành cổ phần hóa được cần đẩy mạnh công tác tái

cơ cấu đơn vị, bố trí, sắp xếp lại các phòng ban cho phù hợp mô hình trong giai đoạn hiện nay để có sức cạnh tranh trên thị trường và đảm bảo kinh doanh có hiệu quả.

Tăng cường giám sát, quản lý hoạt động SXKD các đơn vị phụ thuộc, xây dựng đề án tái cơ cấu công ty giai đoạn 2016-2020, trong đó tập trung vào các giải pháp tiết kiệm chi phí, tăng năng suất lao động, cải thiện thu nhập và điều kiện việc làm cho người lao động.

4.2 Giải pháp thị trường: Xác định, đánh giá lại dòng sản phẩm chính của Công ty là muối cao cấp. Trong dòng sản phẩm này có những mặt hàng hiện nay không còn lợi thế trên thị trường do nhiều nguyên nhân: mẫu mã bao bì đã lỗi thời, chất lượng sản phẩm hoặc hình thức bán hàng không còn phù hợp... nên lợi nhuận không đáng kể thậm chí có khi còn lỗ., công ty cần có những giải pháp phù hợp như tăng cường tiếp thị giới thiệu sản phẩm, truyền thông trên các phương tiện thông tin đại chúng. Thiết lập kênh phân phối, hệ thống siêu thị đại lý ở Hà Nội và các tỉnh, thay đổi mẫu mã bao bì cho phù hợp với thị hiếu người tiêu dùng...

Hiện nay tổ chức WHO khuyến cáo người dân không nên ăn mặn để bảo vệ sức khỏe và phòng ngừa các bệnh về tim, mạch, cao huyết áp... nên sản lượng về muối cho tiêu dùng trực tiếp sẽ giảm lượng, do vậy Công ty phải tăng cường đẩy mạnh hoạt động xúc tiến thương mại, mở rộng thị phần đối với khách hàng công nghiệp, khu chế biến thực phẩm thức ăn gia súc.

4.3 Duy trì địa bàn, nâng cao sản lượng muối cung ứng miền núi.

4.4 Đối với thị trường xuất khẩu: Giữ vững, duy trì khách hàng hiện có, tăng cường xúc tiến thương mại để mở rộng thị trường xuất khẩu mới.

5. Giải pháp về đầu tư:

Công ty TNHH MTV Muối VN có 2 Chi nhánh: Chi nhánh Muối HN chuyên về sản xuất chế biến sản lượng 6.000 tấn/ năm; Chi nhánh Muối Vĩnh Ngọc chuyên về sản xuất muối phơi nước sản lượng 6000 - 8000 t/năm cung cấp nguyên liệu cho thị trường xuất khẩu đi Mỹ và Nhật. Hai Chi nhánh này tình trạng nhà xưởng xuống cấp, máy móc, thiết bị lạc hậu, hỏng hóc liên tục nên cần có sự đầu tư cơ sở vật chất để phù hợp với quy mô sản xuất và nâng cao hiệu quả sản xuất 2 chi nhánh.

- Xây dựng cơ sở vật chất, tăng cường ứng dụng công nghệ trong sản xuất chế biến muối cơ giới hóa giảm giá thành nâng cao giá trị gia tăng.

- Hoàn thiện thêm nhà xưởng, kho và văn phòng làm việc, đường xá nội đồng nhằm phát huy năng lực nhà xưởng muối 8000 tấn/năm đã đưa vào khai thác.

- Phát triển vùng nguyên liệu tại nghệ An, Thanh hóa và Khánh Hòa, Ninh Thuận, liên doanh liên kết bao tiêu nguyên liệu muối chất lượng cao phục vụ thị trường và xuất khẩu.

6. Giai pháp về tài chính

- Lập kế hoạch tài chính chi tiết, cân đối chặt chẽ cung cầu vốn trong hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư và phát triển.

- Tăng cường hiệu quả sử dụng vốn, rút ngắn vòng quay vốn.

- Thực hiện quản trị chi phí chặt chẽ.

PHỤ LỤC IV

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2019
(Ban hành kèm theo Nghị định số 81/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ)

Công ty TNHH 1TV Muối
Việt Nam
MST : 0105873523

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày tháng ... năm ...

I. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM TRƯỚC

Một số kết quả chủ yếu hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018.

Cụ thể :

- Sản lượng mua vào: 23.36 tấn
- Sản lượng bán ra : 22.378 Tấn
- Doanh thu : 118.856 Triệu đồng
 - + Doanh thu SXKD: 115.760 Triệu đồng
 - + Doanh thu hoạt động tài chính: 2.094 Triệu đồng
 - + Doanh thu thuê nhà: 1.011 Triệu đồng
 - + Doanh thu khác: 0 Triệu đồng
- Lãi (lỗ) : - 4.164 Triệu đồng
- Nộp ngân sách : 2.030 Triệu đồng

II. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2019

2.1 Mục tiêu chủ yếu.

Căn cứ vào những chỉ tiêu đã thực hiện được trong năm 2018 và dự báo thị trường trong năm 2019, với nguồn lực sẵn có của đơn vị cùng với việc xem xét đánh giá những yếu tố thuận lợi, khó khăn sắp tới. Công ty muối Việt Nam xây dựng một số chỉ tiêu cơ bản kế hoạch SXKD năm 2019 nhằm:

- Nâng cao hiệu quả trong hoạt động SXKD; bố trí, sắp xếp lại lao động cho hợp lý; giảm những chi phí không cần thiết để giảm giá thành sản phẩm.
- Phân đấu cân bằng tài chính thu chi, toàn công ty có lãi 200-250 triệu đồng.
- Tăng bình quân thu nhập người lao động lên 10-15% so với năm 2018.
- Nâng cao sản lượng, doanh thu bán hàng các loại sản phẩm chủ yếu của công ty tăng 15-20% so với năm 2018.
- Mở rộng thị trường trong nước và XK cả chiều rộng và chiều sâu. Tăng thị phần thị trường đạt 15-20%)

2.2 Giá trị sản lượng chủ yếu 2018. (Chi tiết kèm theo).

Một số chỉ tiêu trọng yếu trong kế hoạch SXKD năm 2019:

- Sản lượng mua vào: 22.500 Tấn
- Sản lượng bán ra : 21.043 Tấn
- Tổng doanh thu : 99.679 Triệu đồng, trong đó:
 - + Doanh thu SXKD: 96.335 Triệu đồng
 - + Doanh thu hoạt động tài chính: 2.051 Triệu đồng
 - + Doanh thu thuê nhà: 1.200 Triệu đồng
 - + Doanh thu khác: 0 Triệu đồng
- Lãi : 210 Triệu đồng
- Nộp ngân sách : 1.930 Triệu đồng

III. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

Năm 2019 là một năm tiếp tục khó khăn của đơn vị do thị trường bị cạnh tranh khốc liệt, máy móc thiết bị lạc hậu, phương thức sản xuất chưa theo kịp tình hình phát triển của thị trường, chi phí cao nên giá thành sản xuất khó cạnh tranh trên thị trường... Để đạt được kế hoạch đã đề ra, Hội đồng thành viên, Ban điều hành Công ty đã đề ra một số giải pháp nhằm khắc phục những yếu kém, hạn chế, cụ thể như sau:

1 Giải pháp về quản lý điều hành.

- Để kế hoạch có tính thực tế, Ban điều hành yêu cầu các Chi nhánh, các phòng ban của Công ty lập kế hoạch của từng bộ phận trên cơ sở bám sát thực hiện của những năm trước, nêu rõ những khó khăn, vướng mắc trong thực hiện;
- Tiếp tục sắp xếp lại một số phòng ban, rà soát, điều chỉnh chức năng nhiệm vụ của các phòng ban phù hợp thị trường. Tinh giảm bộ máy lao động gián tiếp, thực hiện chế độ kiêm nhiệm, dịch chuyển một bộ phận lao động gián tiếp sang lĩnh vực bán hàng và phục vụ bán hàng.
- Ban điều hành Công ty phải sớm ban hành mục tiêu kế hoạch SXKD năm 2019 cho các Chi nhánh và các phòng ban giao khoán sâu. Trên cơ sở đó, các chi nhánh, phòng ban và các đơn vị trong công ty tổ chức triển khai kế hoạch chi tiết cho từng bộ phận và cùng phối hợp tổ chức thực hiện.
- Đôn đốc, chỉ đạo quyết liệt sớm ban hành cơ chế khoán định mức chi phí cho từng bộ phận, người lao động nâng cao năng suất lao động và hiệu quả sản xuất kinh doanh của công ty, đảm bảo cho chi phí chung của Công ty và chi phí cho lực lượng lao động gián tiếp, các phòng bán hàng bù đắp đủ chi phí tiền tới có lãi..
- Xây dựng, sớm ban cơ chế khoán quản cho từng bộ phận bán hàng đảm bảo đủ chi phí và có hiệu quả về công ty.
- Xây dựng và đưa vào áp dụng các quy chế khoán quản cho các chi nhánh, duy trì ổn định và phát huy nguồn lực các chi nhánh tạo điều kiện để các chi nhánh hoạt động hiệu quả góp phần hoàn thành nhiệm vụ chung của công ty.

- Ban điều hành Công ty cần phải sớm ban hành các quy chế quản lý hàng hóa, quy định thưởng phạt cho các bộ phận, người lao động công ty thực hiện.

- Tiếp tục rà soát lại định mức, chi phí tại tất cả các khâu của quá trình từ thu mua, chế biến đến tiêu thụ để tiết kiệm chi phí, hạ giá thành sản phẩm và nâng cao năng suất lao động. Định mức kèm theo chế tài cho các bộ phận, người lao động công ty thực hiện

2 Giải pháp hoạt động thị trường. Là khâu then chốt thúc đẩy hoạt động kinh doanh, phấn đấu tăng 15-20% doanh thu so với năm 2018.

****Đối với muối thị trường nội địa.***

- Xác định dòng sản phẩm chủ lực của Công ty là dòng muối sạch cao cấp phục vụ cho nhu cầu thị trường tiêu dùng nên cần thiết lập được các kênh phân phối, hệ thống đại lý. Xây dựng và từng bước triển khai thực hiện thống nhất phân phối cho toàn đại lý, minh bạch thông tin và tăng cường khả năng kiểm soát thị trường.

- Rà soát, xây dựng phương án và cơ cấu lại danh mục sản phẩm theo hướng giảm dần, tiến tới cắt giảm các sản phẩm không có hiệu quả, chọn lọc để tập trung đầu tư phát triển sản phẩm chủ lực ở từng phân khúc thị trường.

- Xây dựng phương án khai thác và phân phối mặt hàng khác cùng với mặt hàng muối để tận dụng hệ thống phân phối, chia sẻ chi phí tiền lương, tiền công nhằm giảm lỗ mặt hàng muối thị trường.

- Trên cơ sở mục tiêu phát triển thị trường Công ty đề ra, các Phòng thị trường, kinh doanh xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch bán hàng tháng và quý theo các tiêu chí cụ thể về thu tăng đều sản lượng và doanh thu. Báo cáo, đánh giá kết quả.

- Tập trung nghiên cứu rà soát, thiết kế mẫu mã bao bì mang tính chuyên nghiệp cao, ra mắt các sản phẩm mới.

- Hoàn thiện hơn nữa cơ chế khoán chi phí tiền lương, chi phí bán hàng giao khoán cho cán bộ trưởng phó phòng và nhân viên để chủ động trong công tác điều hành, tiền lương và tăng sản lượng.

- Mở rộng, tiếp cận hơn vào các hệ thống siêu thị hiện chưa có sản phẩm nhất là những siêu thị lớn để tạo hình ảnh quảng bá đến người tiêu dùng.

- Tận dụng, phát huy tối đa công suất phương tiện vận tải, tổ chức bán hàng theo xe tải địa điểm các tỉnh ven Khu vực Hà Nội.

- Tiếp tục nỗ lực tiếp cận các địa phương để đăng ký hoạt động cấp không muối I ốt cho đồng bào miền núi theo quyết định 102/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

****Đối với muối xuất khẩu:***

- Đẩy mạnh sản phẩm xuất khẩu chủ lực, thương hiệu của công ty ra thị trường nước ngoài; Tăng cường liên kết, phối hợp chặt chẽ với nhau về thị trường xuất khẩu, xây dựng mạng lưới phân phối chung tại một số thị trường trọng điểm.

- Chăm sóc, giữ được các khách hàng hiện có, nâng sản lượng thực hiện

năm 2019 về muối tiêu dùng thực phẩm XK lên 800 tấn/năm, doanh thu 7-8 tỷ.

- Thúc đẩy sản lượng gia công sản xuất cho công ty Liên doanh Nhật Bản lên 200-300 tấn/năm.

- Tích cực khai thác các đối tác xuất khẩu tại các thị trường mới, nâng cao nguồn lực xuất khẩu.

3 Giải pháp hoạt động sản xuất và chất lượng sản phẩm.

- Xây dựng mô hình chung về quản trị chất lượng, sản xuất từ công ty đến các chi nhánh.

- Liên tục đầu tư, thiết kế mẫu mã bao bì sản phẩm mới, tạo ra sản phẩm mới phù hợp thị hiếu người tiêu dùng.

- Đề tạo ra sự khác biệt, cần chú trọng sản xuất một số sản phẩm mới như: sản phẩm theo tiêu chuẩn xuất khẩu bán vào kênh phân phối cao cấp nhằm quảng bá, xây dựng hình ảnh, thương hiệu của công ty.

4 Giải pháp hoạt động đầu tư.

- Đối với dự án dùng nguồn ngân sách NN đã được Bộ NN&PTNT phê duyệt tổ chức thực hiện theo đúng quy định cấp trên phê duyệt đảm bảo đúng tiến độ, chất lượng

- Hình thành tổ kinh doanh khai thác lợi thế thương mại tại số 7 Hàng Gà, 77 - Nguyễn công Trứ mang lại nguồn thu cho công ty, chủ động đề xuất các biện pháp tháo gỡ khó khăn trình Lãnh đạo giải quyết.

- Đối với Chi nhánh Muối Hà Nội: Lập phương án tiến hành đầu tư xây dựng và cải tạo một cách tổng thể để nâng cao năng suất lao động và hiệu quả sản xuất kinh doanh.

- Đối với Chi nhánh Muối Vĩnh Ngọc việc đầu tư, sửa chữa nội đồng hàng năm phải lập kế hoạch trình HĐQT Công ty xem xét để đạt hiệu quả đầu tư cao nhất.

5 Giải pháp hoạt động tài chính

- Nâng cao, quản lý chặt chẽ tài chính bằng các biện pháp nghiệp vụ. Công tác quản lý tài chính từ công ty đến các chi nhánh đồng bộ và liên tục. Thực hiện hạch toán chi tiết từ khâu sản xuất đến khâu bán hàng tiết kiệm chi phí.

- Giám sát, kiểm tra công tác thu hồi công nợ, không để xảy ra các rủi ro về tài chính của công ty.

- Kiểm soát dòng tiền, nguồn vốn, thực hiện các biện pháp tăng khả năng quay vòng vốn mang lại hiệu quả kinh tế tối ưu nhất.

6 Giải pháp lao động, quản trị nguồn nhân lực.

- Tiếp tục rà soát lực lượng lao động khối văn phòng, các trạm và xưởng SX, giảm đối đa bộ phận gián tiếp, tận dụng lao động, bố trí hợp lý lao động sản xuất sản phẩm phụ trợ...

- Nâng cao năng lực tổ chức quản lý cho cán bộ chủ chốt, tạo môi trường làm việc nhằm thu hút và giữ chân cán bộ giỏi làm việc lâu dài cho công ty.

BIỂU CÁC CHỈ TIÊU SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM
2019

TT	Các chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch
1	Các chỉ tiêu sản lượng		
	- Muối	Tấn	16.043
	- Gạo	Tấn	5.000
		
2	Chỉ tiêu sản phẩm, dịch vụ công ích (nếu có)		
3	Doanh thu	Tỷ đồng	99
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	0.2
5	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	1,8
6	Tổng vốn đầu tư	Tỷ đồng	
7	Kim ngạch xuất khẩu (nếu có)	1.000 USD	227
8	Các chỉ tiêu khác		

PHỤ LỤC V

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH
DOANH HÀNG NĂM VÀ 03 NĂM GẦN NHẤT
(Ban hành kèm theo Nghị định số 81/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ)

Công ty TNHH 1TV Muối
Việt Nam
MST : 0105873523

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày tháng ... năm ...

BIỂU SỐ 1

MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA
DOANH NGHIỆP NĂM 2016; 2017; 2018

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2016	Thực hiện năm 2017	Thực hiện năm 2018	KH thực hiện năm báo cáo (năm 2019)
1	Sản phẩm chủ yếu sản xuất					
a)	Muối	Tấn	18.731	61.668	15.392	16.043
b)	Gạo	Tấn	5.997	2.500	6.986	5.000
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	102	106	118	99
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	- 4,8	- 21,2	- 4,1	0.2
4	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	1,5	1,7	1.9	1,8
5	Kim ngạch xuất khẩu (nếu có)	1000 USD	180	157	200	227
6	Sản phẩm dịch vụ công ích (nếu có)					
7	Kế hoạch đầu tư phát triển	Tỷ đồng				
a)	- Nguồn ngân sách	“				
b)	- Vốn vay	“				
c)	- Vốn khác	“				

PHỤ LỤC VI

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ CÔNG ÍCH VÀ TRÁCH NHIỆM
 XÃ HỘI (NEU CÓ) NĂM 2018
 (Ban hành kèm theo Nghị định số 81/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ)

Công ty TNHH 1TV Muối
 Việt Nam
 MST : 0105873523

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
 Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:, ngày tháng ... năm ...

I. MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ NHIỆM VỤ CÔNG ÍCH
BIỂU MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ NHIỆM VỤ CÔNG ÍCH

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ so với KH	Tỷ lệ so với cùng kỳ năm trước
1	Khối lượng, sản lượng sản phẩm dịch vụ công ích thực hiện trong năm	(Tấn, kg)	(Tấn, kg) % %
2	Khối lượng, sản lượng sản phẩm, dịch vụ công ích bị lỗi, không đạt yêu cầu	(Tấn, kg)	(Tấn, kg) % %
3	Số lượng ý kiến phản hồi về chất lượng sản phẩm, dịch vụ của doanh nghiệp không đạt yêu cầu	<i>(Thống kê số lượng các ý kiến phản hồi của các cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích của doanh nghiệp)</i>			
4	Chi phí phát sinh liên quan đến các sản phẩm, dịch vụ công ích thực hiện trong nămtr.đtr.đ % %
5	Doanh thu thực hiện các sản phẩm, dịch vụ công ích trong nămtr.đtr.đ % %

II. TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI CỦA DOANH NGHIỆP

1. Trách nhiệm bảo vệ môi trường.
2. Trách nhiệm đóng góp cho cộng đồng xã hội.
3. Thực hiện tốt trách nhiệm với nhà cung cấp.
4. Trách nhiệm bảo đảm lợi ích và an toàn cho người tiêu dùng.
5. Quan hệ tốt với người lao động.
6. Trách nhiệm đảm bảo lợi ích cho cổ đông và người lao động trong doanh nghiệp.

PHỤ LỤC VIII

**BÁO CÁO THỰC TRẠNG QUẢN TRỊ VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC
NĂM 2018**

CÔNG TY TNHH MTV MUỐI VIỆT NAM
MSDN: 0105873523

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà nội,, ngày tháng ... năm ...

I. THỰC TRẠNG QUẢN TRỊ VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2018

BIỂU SỐ 1

I. CƠ CẤU TỔ CHỨC

THÔNG TIN VỀ TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC DOANH NGHIỆP

TT	Ho và tên	Năm sinh	Chức danh		Phân loại thành viên	Trình độ chuyên môn	Kinh nghiệm nghề nghiệp	Các vị trí quản lý đã nắm giữ	Công việc quản lý được giao
			Chức danh tại doanh nghiệp	Chức danh tại công ty khác					
I. Hội đồng thành viên									
1	Cao Thị Hạnh	1976	Chủ tịch HĐQT	Trưởng ban Kế hoạch & Quản lý đầu tư vốn Tổng công ty LTMB		Thạc sỹ tài chính			

2	Nguyễn Ngọc Hiếu	1961	Thành viên HĐTV			Kỹ sư hóa			
3	Vũ Trung Khiên	1962	Giám đốc- Thành viên HĐTV			Cử nhân kinh tế			
II. Ban Giám đốc									
1	Vũ Trung Khiên	1962	Giám đốc- Thành viên HĐTV			Cử nhân kinh tế			
III. Phó Giám đốc									
1	Trần Thế Dũng	1961	Phó giám đốc			Kỹ sư thực phẩm			
2	Hoàng Khâm	1962	Phó giám đốc			Kỹ sư kinh tế vận tải			
3	Nguyễn Kim Sơn	1971	Phó giám đốc			Cử nhân kinh tế đối ngoại			
IV. Kế toán trưởng									
1	Nguyễn Thị Thanh Tùng	1973	Kế toán trưởng			Cử nhân kinh tế			
V. Kiểm soát viên									
1	Đinh Thị Phương Nam	1977	Kiểm soát viên			Cử nhân Luật			

VI. Các phòng ban chức năng							
	06 Phòng: Phòng TCHC; Tài chính kế toán; Thị Trường; Xuất nhập khẩu; Kế hoạch; Quản lý sản xuất. 01 Ban: Ban Quản lý dự án ngành Muối (kinh phí hoạt động chủ yếu từ ngân sách của Bộ NN&PTNT).						
	Mạng lưới kinh doanh: - Văn phòng Công ty số 5-7 Hàng Gà- Hoàn Kiếm- Hà Nội - Số 77 Nguyễn Công Trứ- Hai Bà Trưng - Đơn vị sản xuất: Xưởng sản xuất muối CLC Quỳnh Yên- Quỳnh Lưu- Nghệ An. - 02 Trạm muối: Trạm Muối Hòa Bình- Trạm Muối Thái Nguyên.						
VII. Các đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty							
1	Chi nhánh Muối Hà Nội: Phố Phú Viên- Quận Long Biên- Hà Nội						
2	Chi nhánh Muối Vĩnh Ngọc: Xã Quỳnh Yên- Quỳnh Lưu- Nghệ An.						
VIII. Công ty liên kết							
1	Công ty TNHH Thực phẩm HAKUMATSU Việt Nam: Xã Quỳnh Yên- Quỳnh Lưu- Nghệ An						

**II. CÁC QUYẾT ĐỊNH CỦA CƠ QUAN LIÊN QUAN
VÀ TỔNG CÔNG TY LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG SXKD CÔNG TY
NĂM 2018 VÀ ĐẾN 31/3/2019 (QUÝ I/2019)**

BIỂU SỐ 2

(Tóm tắt các quyết định quan trọng, có tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư của Công ty năm 2018)

1. NĂM 2018

TT	Số văn bản	Ngày	Nội dung (nêu tóm tắt nội dung chính của văn bản)
1	144/NHNNĐHN-TD	22/01/2018	Về tình trạng nợ quá hạn của DN tại ngân hàng và thực hiện việc trả nợ
2	946/TCTLTMB-KHQLV	28/12/2017	Tăng cường trách nhiệm quản lý người đại diện
3	20/PA-CNMTN	26/2/2018	Đề nghị vay vốn kèm PA SXKD của Chi nhánh Vĩnh Ngọc
4	19/TT-CNMTN	26/2/2018	Tờ trình về việc vay vốn SXKD của Chi nhánh Vĩnh Ngọc
5	10/TT-CNMTN	8/02/2018	- Tờ trình về việc làm lò than lọc khí sấy muối (kèm theo dự toán). - Báo cáo KTKT làm lò than và lọc khí sấy muối.
6	517/NHNNĐHN	15/3/2018	Tình trạng nợ quá hạn của DN và tại NH, thực hiện việc trả nợ.
7	37/BC-CNMTN	23/3/2018	Báo cáo nguồn gốc đất sử dụng đồng muối
8	207/TCTLTMB-KHQLV	03/4/2018	Thực hiện công bố thông tin DN theo NĐ 81/2015/NĐ-CP của Chính Phủ
9	48/TT-CNMTN	10/4/2018	TT xin đề bạt bổ sung PGĐ CNMTN
10	828/NHNNĐHN-TD	19/4/2018	Tình trạng nợ quá hạn của DN và tại NH, thực hiện việc trả nợ.
11	89/TT-CNMTN	05/5/2018	TT xin đề bạt PGĐ CNMTN (kèm theo phiếu)
12	90/TT-CNMTN	05/5/2018	TT bổ nhiệm TrP kế toán Chi nhánh
13	81/TCTLTMB-HĐTV	08/5/2018	Phê duyệt kế hoạch SXKD năm 2018, giao chỉ tiêu đánh giá hiệu quả hoạt động năm 2018
14	20/TB-TCTLTMB	04/4/2018	Thành lập Ban tham mưu giúp việc

			và phân công nhiệm vụ các ủy viên.
15	1114/NHNNĐHN-TD	16/5/2018	Tình trạng nợ quá hạn của DN và tại NH, thực hiện việc trả nợ.
16	375/TB-TCTLTMB-KHQLV	17/5/2018	Thông báo kết luận của lãnh đạo TCTy LTMB tại cuộc họp về SXKD của Công ty.
17	393/TCTLTMB-HĐTV	23/5/2018	Chủ trương thực hiện thuê dịch vụ kiểm toán quyết toán muối tạm trữ
18	398/TCTLTMB-ĐTXD	28/5/2018	Sắp xếp lại, xử lý nhà đất theo quy định tại ND 167/NĐ-CP ngày 31/12/2017
19	29/UQ-TCTLTMB-KHQLV	17/5/2018	Ủy quyền của TGD cho GD CTy ký các tài liệu cung cấp muối miền núi
20	416/TCTLTMB-KHQLV	04/6/2018	Nâng bậc lương Phó GD Công ty (Ông Dũng, Ông Sơn)
21	420/TCTLTMB-KHQLV	5/6/2018	Chấp thuận quy trình bổ nhiệm KSV CTy
22	684/CV-ĐU-TCTLTMB	01/6/2018	Công tác cán bộ tại CTy (bổ nhiệm lại KSV)
23	4689/STNMT-CCQLĐĐ	12/6/2018	Hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất thuê tại 77 Nguyễn Công Trứ-HN
24	458/TCTLTMB-KHQLV	19/6/2018	Quản lý tài sản hàng hóa
25	120/CNMVN	14/6/2018	Đề nghị chuyển tài sản (02 trạm điện)
26	492/TB-TCTLTMB-KHQLV	27/6/2018	Thông báo ý kiến kết luận của TCTy về cuộc họp với CTy (báo cáo kết quả SXKD 6 tháng đầu năm và nhiệm vụ 06 tháng cuối năm).
27	1594/NHNN	27/6/2018	Tình trạng nợ quá hạn của DN và tại NH, thực hiện việc trả nợ.
28	Chi nhánh Muối Hà Nội	01/6/2018	Tờ trình v/v xin ý kiến khoản nợ khó đòi.
29	518/TCTLTMB-ĐTXD	03/7/2018	V/v báo cáo giám sát đánh giá thực hiện ĐTXD 6 tháng đầu năm 2018.
30	130/TTr-CNM VN	5/7/2018	TT xin chủ trương đầu tư DA: Cải tạo nâng cấp đường vận chuyển muối nội đồng.
31	129/PA-CNMVN	05/7/2018	Phương án cải tạo nâng cấp đường vận chuyển muối nội đồng.
32	142/QĐ-TCTLTMB-HĐTV	6/7/2018	QĐ về việc bổ nhiệm lại chức danh kiểm soát viên Công ty.
33	23/CNMHN	17/7/2018	Tờ trình phê duyệt đầu tư phương tiện

			vận tải muối.
34	1802/NHN _o ĐHN-TD	19/7/2018	Về tình trạng khoản nợ quá hạn của DN tại ngân hàng và thực hiện trả nợ.
35	25TTr-CNMHN	15/7/2018	TT xin ý kiến chỉ đạo xử lý hàng thiếu theo BB kiểm kê ngày 30/6/2018 tại CN Hà Nội.
36	565/TCTLTMB-TCLĐ	25/7/2018	Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch lao động tiền lương 06 tháng đầu năm
37	574/TCTLTMB-HĐTV	27/7/2018	Chủ trương xử lý công nợ khó đòi, tồn đọng tại CTy Muối VN.
38	25A/CNMHN-CV	01/8/2018	V/v sửa chữa thay thế lò than máy sây.
39	174/QĐ-TCTLTMB-HĐTV	09/8/2018	QĐ thành lập đoàn kiểm tra công tác quản lý và sử dụng vốn, tài sản và chấp hành pháp luật tại CTy Muối VN.
40	734/NQ-ĐU	6/8/2018	NQ triển khai thực hiện phương án cơ cấu lại TCTy MB giai đoạn 18-20.
41	227/QĐ-TCTLTMB-HĐTV	19/9/2018	QĐ phê duyệt quỹ lương thực hiện của người Quản lý và chấp thuận quỹ lương người LĐ năm 2017.
42	230/QĐ-TCTLTMB-BCĐ	20/9/2018	QĐ thành lập Tổ giúp việc Ban chỉ đạo CPH CTy Muối VN.
43	275/PA-CNMVN	28/9/2018	TT phê duyệt dự án XD đường vận chuyển muối nội đồng.
44	228/QĐ-TCTLTMB-HĐTV	19/9/2018	QĐ thành lập ban chỉ đạo CPH CTy Muối Việt Nam.
45	276/TTr-CNMVN	18/10/2018	TT đề nghị xin phê duyệt báo cáo KTKTh và lựa chọn nhà thầu XDCTr: Cải tạo nâng cấp đường V/c muối nội đồng.
46	292/CNMVN	27/10/2018	TT đề nghị phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: đường V/c muối nội đồng.
47	291/QĐ-TCLTMB-HĐTV	30/10/2018	QĐ phê duyệt kế hoạch tiến độ CPH CTy muối VN.
48	02BB/TCTLTMB-KSNB	13/9/2018	Biên bản kiểm tra công tác quản lý và sử dụng vốn, tài sản và chấp hành pháp luật tại Cty Muối VN.
49	803/TTr-TCTLTMB-HĐTV	8/11/2018	TT đề nghị xử lý khó khăn phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ thu mua muối tạm trữ niên vụ 2015-2016.
50	831/TCTLTMB-KHQLV	23/11/2018	Báo cáo tình hình thực hiện KH năm

			2018 và XD KH năm 2019.
51	311/QĐ-TCTLTMB-HĐTV	13/11/2018	QĐ phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu: Tư vấn xác định giá trị DN để CPH Cty Muối VN.
52	14672/BTC-TCDN	26/11/2018	Chuẩn bị tài liệu phục vụ công tác thẩm định, xác định số lỗ phát sinh của chương trình mua muối tạm trữ năm 2015-2016.
53	871/TCTLTMB-ĐTXD	13/12/2018	Báo cáo giám sát đánh giá các dự án năm 2018, KH năm 2019.
54	877/TCTLTMB-TCKT	17/12/2018	V/v kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018.
55	356/QĐ-TCTLTMB	19/12/2018	QĐ thành lập Tổ công tác 167 (rà soát và sắp xếp phương án sử dụng nhà đất).
56	13972/TB-CCT	19/12/2018	TB giải trình, bổ sung thông tin tài liệu về số tiền nợ thuế chưa nộp NSNN theo quy định.

2. QUÝ I/ 2019 (đến 31/3/2019).

TT	Số văn bản	Ngày	Nội dung (nêu tóm tắt nội dung chính của văn bản)
1	02/QC-VN	01/1/2019	Quy chế khoán ổn định và quản lý chi nhánh Vĩnh Ngọc.
2		10/1/2019	Phương án sắp xếp CN Vĩnh Ngọc.
3		01/2019	Định mức kinh tế kỹ thuật năm 2019. Kế hoạch chi phí SX năm 2019 của CN Vĩnh Ngọc.
4		02/2019	Kiểm toán v/v Quyết toán dự án: Công trình cải tạo đường vận chuyên muối nội đồng CN Vĩnh Ngọc.
5	147/XD-KH	13/2/2019	V/v lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025.
6	09/CNMHN-TCHC	12/3/2019	Thông báo phân công nhiệm vụ Ban giám đốc CN muối Hà Nội.
7	116/CT34-RON	22/3/2019	V/v đề nghị bổ sung, khối lượng kinh phí đề quai dự án Ròn- Quảng Bình.

III. Hoạt động của Hội đồng thành viên:

Hoạt động của HĐQT Công ty thực hiện theo quy định:

- Quy chế quản lý Người đại diện của Tổng công ty đối với Công ty con là Công ty TNHH MTV do Tổng công ty là chủ sở hữu 100% vốn; Phân cấp quản lý của Tổng công ty.

- Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty: Quyết định số 260/QĐ-TCTLTMB-HĐTV ngày 05/10/2016 do HĐQT Tổng công ty Lương thực miền Bắc ban hành theo đề nghị của Tờ trình số 09/CTMVN-HĐTV ngày 8/9/2016 của HĐQT Công ty.

- Quy chế tài chính Công ty: Quyết định số 42/QĐ-TCTLTMB-HĐTV ngày 08/2/2017 do Tổng công ty Lương thực miền Bắc ban hành theo đề nghị của Tờ trình số 16/TTr-CTMVN-HĐTV ngày 18/11/2017 của HĐQT Công ty.

- Quy chế hoạt động của HĐQT: Quyết định số 04/QĐ-CTMVN-HĐTV ngày 26/8/2016 do HĐQT Công ty ban hành.

- Các Quy chế quản lý nội bộ khác do Công ty ban hành.

1. Các cuộc họp của Hội đồng thành viên

BIỂU SỐ 3

THỐNG KÊ CÁC CUỘC HỌP CỦA HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

TT	Thành viên Hội đồng thành viên	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Số buổi họp không tham dự	Lý do không tham dự	Tỷ lệ
1	Bà Cao Thị Hạnh	Chủ tịch	15	0		100%
2	Ông Vũ Trung Khiên	Giám đốc	15	0		100%
3	Ông Nguyễn Ngọc Hiếu	Thành viên	15	0		100%

2. Các Nghị quyết hoặc Quyết định của Hội đồng thành viên

BIỂU SỐ 4

**THÔNG KÊ NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH
CỦA HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN**

1. Năm 2018:

TT	Số văn bản	Ngày	Nội dung
	Các Quyết định		
1	01/QĐ-CTMVN-HĐTV	11/6/2018	QĐ V/v nâng bậc lương đối với Phó GD Công ty ông Nguyễn Kim Sơn (hệ số 5.32 lên 5.65)
2	02/QĐ-CTMVN-HĐTV	11/6/2018	QĐ V/v nâng bậc lương đối với Phó GD Công ty ông Trần Thế Dũng (hệ số 5.32 lên 5.65)
3	03/QĐ-CTMVN-HĐTV	11/6/2018	QĐ V/v xếp lương đối với ông Hoàng Khâm hệ số 5.65 (để đối chiếu BHXH) sau khi thôi kiêm GD CN Hà Nội
4	04/QĐ-CTMVN-HĐTV	02/8/2018	QĐ thành lập Hội đồng xử lý nợ tồn đọng khó đòi.
5	05/QĐ-CTMVN-HĐTV	8/11/2018	QĐ phê duyệt chủ trương đầu tư DA: Cải tạo nâng cấp đường v/c muối nội đồng CN Vĩnh Ngọc.
6	06/QĐ-CTMVN-HĐTV	10/12/2018	QĐ phê duyệt báo cáo KTKTh và kế hoạch lựa chọn nhà thầu DA: Cải tạo nâng cấp đường V/c muối nội đồng CN muối Vĩnh Ngọc.
	Các Nghị Quyết		
1	01/NQ-CTMVN-HĐTV	02/4/2018	Nghị quyết tại phiên họp thường kỳ lần thứ 1
2	02/NQ-CTMVN-HĐTV	18/5/2018	Nghị quyết tại phiên họp thường kỳ lần thứ 2
3	03/NQ-CTMVN-HĐTV	29/6/2018	Nghị quyết về việc, rà soát, lập phương án xử lý các khoản nợ.
4	04/NQ-CTMVN-HĐTV	27/7/2018	Nghị quyết tại phiên họp thường kỳ lần thứ 3 (các vấn đề của CN Hà Nội).
5	05/NQ-CTMVN-HĐTV	27/7/2018	Nghị quyết tại phiên họp thường kỳ lần thứ 3 (các vấn đề của Xưởng sx).

6	06/NQ-CTMVN-HĐTV	27/7/2018	Nghị quyết tại phiên họp thường kỳ lần thứ 3 (các vấn đề của CN Vĩnh Ngọc).
7	07/NQ-CTMVN-HĐTV	27/7/2018	Nghị quyết tại phiên họp thường kỳ lần thứ 3 (các vấn đề của phòng TCKT)
8	08/NQ-CTMVN-HĐTV	27/7/2018	Nghị quyết tại phiên họp thường kỳ lần thứ 3 (các vấn đề của phòng TTr)
9	09/NQ-CTMVN-HĐTV	27/7/2018	Nghị quyết tại phiên họp thường kỳ lần thứ 3 (các vấn đề của phòng K/H)
10	10/NQ-CTMVN-HĐTV	31/7/2018	Nghị quyết về xử lý nợ.
11	11/NQ-CTMVN-HĐTV	31/7/2018	Nghị quyết tại phiên họp thường kỳ lần thứ 4.
12	12/NQ-CTMVN-HĐTV	13/9/2018	Nghị quyết tại phiên họp thường kỳ lần thứ 5.
Các văn bản			
1	03/KHSXKD2018 CTMVN-HĐTV	09/4/2018	Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018
2	07A/TTr-CTMVN- HĐTV	14/4/2018	Tờ trình V/v Báo cáo giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động Cty năm 2017
3	09/CTMVN-HĐTV	28/5/2018	Làm việc với CNMHN ngày 30/5/2018
4	13/CTMVN-HĐTV	21/6/2018	Báo cáo tình hình SXKD 06 tháng đầu năm 2018 và kế hoạch cuối năm.
5	15/CTMVN-HĐTV	22/6/2018	Về việc bổ nhiệm lại chức danh KSV.
6	16/CTMVN-HĐTV	18/7/2018	TT xin chủ trương cho phép thuê đơn vị tư vấn hỗ trợ thu hồi công nợ.
7	19/CTMVN-HĐTV	20/9/2018	V/v nhân sự tổ giúp việc cho Ban chỉ đạo CPH Cty muối VN.
8	20/CTMVN-HĐTV	3/10/2018	Về việc chấp thuận chọn nhà cung cấp dịch vụ pháp lý hỗ trợ thu hồi công nợ.

2. Quý I/2019 (đến 31/3/2019):

TT	Số văn bản	Ngày	Nội dung
Các Quyết định			
1	01/QĐ-CTMVN-HĐTV	4/3/2019	QĐ Thành lập Hội đồng thẩm định định mức Kinh tế kỹ thuật.
Các Văn bản			

	Các Nghị Quyết		
1	01/NQ-CTMVN-HĐTV	31/1/2019	Nghị quyết tại phiên họp thường kỳ lần thứ 1
2	02/NQ-CTMVN-HĐTV	4/3/2019	Nghị quyết tại phiên họp thường kỳ lần thứ 2

III. HOẠT ĐỘNG CỦA KIỂM SOÁT VIÊN CÔNG TY TNHH MTV MUỐI VIỆT NAM NĂM 2018 VÀ QUÝ I/2019:

1. Hoạt động của Kiểm soát viên công ty:

Thực hiện nhiệm vụ theo Quy chế hoạt động Kiểm soát viên công ty TNHH MTV Muối Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 118/QĐ-TCTLTMB-HĐTV ngày 11/4/2016 do HĐTV Tổng công ty ban hành.

a. Việc tổ chức thực hiện quyền của Tổng công ty (Quản trị hoạt động) thông qua Người đại diện ủy quyền đối với phần vốn của Tổng công ty tại công ty trong quản lý, điều hành công việc sản xuất kinh doanh tại công ty (theo Điều lệ tổ chức và hoạt động công ty số 260/QĐ-TCTLTMB- HĐTV ngày 05/10/2016, Quy chế Tài chính công ty số 42/QĐ-TCTLTMB-HĐTV ngày 08/02/2017 ...cũng như việc ban hành Quy chế quản lý nội bộ công ty phù hợp tình hình công ty và quy định của nhà nước).

b. Tham gia Đoàn Kiểm tra của Tổng công ty tại công ty quý III/2018 về công tác quản lý, sử dụng vốn và tài sản của Tổng công ty tại công ty.

c. Việc thực hiện nhiệm vụ, ngành nghề kinh doanh:

- Nhiệm vụ SXKD 2018 do Tổng công ty giao (kết quả SXKD, tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu, nợ và khả năng thanh toán nợ, tình hình tài chính, công tác quản lý, sử dụng vốn và tài sản tại, tình hình đầu tư tại công ty)...

2. Các báo cáo của Kiểm soát viên:

- Xây dựng và thực hiện Kế hoạch công tác Kiểm soát.

- Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ Kiểm soát.

- Thẩm định Báo cáo quỹ tiền lương thực hiện công ty năm 2017 theo NĐ 51/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 và NĐ 52/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 và các Thông tư hướng dẫn (đã thực hiện trong quý II/2018) và Thẩm định Báo cáo quỹ tiền lương thực hiện công ty năm 2018 (thực hiện trong quý II/2019).

- Báo cáo về tình hình tài chính và kết quả hoạt động SXKD năm 2018 và quý I/2019.

- Đánh giá hoạt động, giám sát tài chính và xếp loại công ty năm 2017 (đã thực hiện trong quý II/2018); đánh giá hoạt động, giám sát tài chính và xếp loại công ty năm 2018 (thực hiện trong quý II/2019) trình Tổng công ty.

2. Báo cáo quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của Công ty

**BIỂU BÁO CÁO QUỸ TIỀN LƯƠNG, THÙ LAO, TIỀN THƯỞNG
CỦA CÔNG TY TNHH MTV MUỐI VIỆT NAM**

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm trước liền kề năm báo cáo (năm 2017)		Năm 2018
			Kế hoạch	Thực hiện	Thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
I	HẠNG DN ĐƯỢC XẾP: Hạng II				
II	TIỀN LƯƠNG CỦA LĐ ĐỘNG				
1	Lao động bình quân	Người		113	112,42
2	Mức tiền lương bình quân	1.000 đ/Th		5.584	5.338
3	Quỹ tiền lương	Tr. đồng		7.594	7.201
4	Quỹ tiền thưởng, phúc lợi phân phối trực tiếp cho người lao động	Tr. đ			
5	Thu nhập bình quân	1.000 đ/Th		5.584	5.338
	TIỀN LƯƠNG CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ CÔNG TY				
1	Số người quản lý	Người		7	7
2	Mức lương cơ bản bình quân	Tr đ/tháng			
3	Quỹ tiền lương	Tr. đồng		618	617
4	Mức tiền lương bình quân	Tr. đ/tháng		7.151	7.345
5	Quỹ tiền thưởng				
6	Tiền thưởng, thu nhập	Triệu đồng			
7	Mức thu nhập bình quân của viên chức quản lý	Triệu đồng/tháng			

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

CHI TIÊU	Mã	Thuyết	số	Năm nay	Năm trước
			minh		
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01			116.850.694.733	106.011.535.694
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			88.513.478	98.343.927
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	17		116.762.181.255	105.913.191.767
(10 = 01 - 02)					
4. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	11	18		104.709.305.694	112.724.084.111
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20			12.052.875.561	(6.810.892.344)
(20 = 10 - 11)					
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	19		2.094.894.954	2.069.656.104
7. Chi phí tài chính	22			496.278.129	559.401.333
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23			496.278.129	559.401.333
8. Chi phí bán hàng	25	20		6.941.566.948	6.782.976.757
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	21		10.693.770.498	9.172.470.614
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30			(3.983.845.060)	(21.256.084.944)
{30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}					
11. Thu nhập khác	31			142.574.546	-
12. Chi phí khác	32	23		323.456.479	442.166
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40			(180.881.933)	(442.166)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50			(4.164.726.993)	(21.256.527.110)
(50 = 30 + 40)					
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	24		-	-
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60			(4.164.726.993)	(21.256.527.110)
(60 = 50 - 51)					



Nguyễn Thị Thanh Tùng
 Người lập biểu
 Hà Nội, ngày 14 tháng 03 năm 2019

Nguyễn Thị Thanh Tùng
 Kế toán trưởng

Vũ Trung Khiên
 Giám đốc